

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHỤNG HIỆP
TỈNH HẬU GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 94/2022/DS-ST

Ngày: 21/10/2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Tự
2. Ông Nguyễn Văn Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Thanh Vũ – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 10 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 05 năm 2020, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2022/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Đồng nguyên đơn:

1. Ông Lê Văn T, sinh năm: 1972; địa chỉ: ấp Tân Q, xã Tân B, huyện P, tỉnh H (có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1975; địa chỉ: ấp Tân Q, xã Tân B, huyện P, tỉnh H (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Đ: Ông Lê Văn T, sinh năm: 1972; địa chỉ: ấp Tân Q, xã Tân B, huyện P, tỉnh H. Theo văn bản ủy quyền ngày 16 tháng 8 năm 2019 (có mặt)

Bị đơn: Bà Trần Thị S, sinh năm: 1958; địa chỉ: ấp Tân Q, xã Tân B, huyện P, tỉnh H (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/12/2019, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn ông Lê Văn T trình bày:

Vào ngày 04/05/2018 dl ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Đ (vợ ông T) có cho bà Trần Thị S vay số tiền 160.000.000 đồng, mục đích để bà S sửa nhà, có làm biên nhận và thỏa thuận lãi suất mỗi tháng là 1%, thời gian vay bà S cam kết trong biên nhận là 03 tháng sẽ trả đủ số tiền vay 160.000.000 đồng và lãi phát sinh. Ngoài ra ngày 24/6/2018 (âl) (tức ngày 5/8/2018 dl) ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Đ có cho bà Trần Thị S vay thêm số tiền 20.000.000 đồng, có làm biên nhận nợ, không nói thời gian trả, có thỏa thuận lãi suất mỗi tháng 1%. Sau khi vay bà S không đóng lãi cũng như trả vốn cho ông T và bà Đ mặc dù ông T và bà Đ đã rất nhiều lần yêu cầu bà S trả số nợ trên, nhưng bà S vẫn không chịu trả nợ.

Nay ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện, yêu cầu bà Trần Thị S trả tổng số nợ gốc là 180.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Trần Thị S theo biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 03/7/2020 (bl 93) trình bày:

Bà S không có ký tên vào 02 biên nhận tiền do nguyên đơn ông Lê Văn T cung cấp, vì bà S không có vay tiền của ông T và bà Đ. Thực tế là bà S chỉ có tham gia 03 dây hụi do ông T làm chủ hụi, bà S đã hót hụi và thừa nhận còn nợ hụi chết số tiền khoảng 90.000.000 đồng.

Nay bà Trần Thị S không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Đ vì bà S không có vay tiền của ông T và bà Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; riêng bị đơn vắng mặt không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 161, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 468, 469, 470 Bộ luật dân sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Đ về việc buộc bị đơn bà Trần Thị S trả tổng số tiền nợ 180.000.000 đồng.

Phản án phí dân sự sơ thẩm và chi phí giám định: Bị đơn phải nộp theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị S trả nợ vay, nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn bà Trần Thị S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng, kèm theo đơn khởi kiện ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Đ đã cung cấp được 02 biên nhận nợ bản chính. Cụ thể: 01 tờ mượn tiền ngày 04/05/2018 dl (bút lục 95) thể hiện nội dung “bà Trần Thị S có mượn của ông Lê Văn T số tiền 160.000.000 đồng để tu sửa nhà, bà S hứa kể từ ngày mượn tiền đúng 03 tháng sau sẽ trả tất nợ” và 01 tờ mượn nợ ngày 24/6/2018 âl (bút lục 94) thể hiện nội dung “bà Trần Thị S có mượn của bà Nguyễn Thị Đ số tiền 20.000.000 đồng”. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trần Thị S cho rằng không có ký tên vào 02 biên nhận do nguyên đơn cung cấp.

[3] Hội đồng xét xử thấy rằng, căn cứ theo văn bản số 1346/C09B ngày 31/5/2021 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận: chữ ký đứng tên Trần Thị S trên tài liệu giám định cần giám định ký hiệu A1 (tờ mượn tiền ngày 04/05/2018 dl và ký hiệu A2 (tờ mượn tiền ngày 24/6/2018 âl) so với chữ ký đứng tên Trần Thị S trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 (biên bản lấy lời khai của bà Trần Thị S ngày 03/7/2020), ký hiệu M2 (biên bản tổng đạt văn bản tố tụng ngày 03/7/2020), ký hiệu M3 (sổ vay vốn của bà Trần Thị S tại Ngân hàng Chính sách xã hội, mã KH: 6500093826), ký hiệu M5 (giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay ngày 27/12/2010) và ký hiệu M6, M7 (02 sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ, cùng ngày 28/12/2010) kết luận là do cùng một người ký ra. Qua đó có cơ sở xác định bị đơn bà Trần Thị S có ký tên mượn tiền theo nội dung 02 biên nhận nợ do nguyên đơn ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Đ đã cung cấp cho Tòa án. Việc nguyên đơn chỉ yêu cầu trả nợ gốc 180.000.000 đồng mà không yêu cầu tính lãi suất trên số nợ gốc là đã có lợi cho bị đơn

[4] Từ những nhận định nêu trên, nên Hội đồng xét xử có căn cứ buộc bà Trần Thị S có trách nhiệm trả cho ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Đ tổng số tiền 180.000.000 đồng.

Đề nghị của Viện kiểm sát về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí giám định: Bị đơn bà Trần Thị S phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 469, 470 Bộ luật dân sự; các Điều 35, 39, 147, 161, 162, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Đ về việc yêu cầu bà Trần Thị S trả nợ vay.

Buộc bà Trần Thị S có trách nhiệm trả cho ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Đ tổng số tiền 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Chi phí giám định: 10.050.000 đồng bị đơn bà Trần Thị S có nghĩa vụ nộp tại Chi cục thi hành án dân sự, để cơ quan này hoàn trả lại cho nguyên đơn ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Đ

Án phí dân sự sơ thẩm: bà Trần Thị S phải nộp là 9.000.000 đồng. Hoàn trả lại cho ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Đ 4.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002702 ngày 07/05/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND h. Phụng Hiệp;
- THA h. Phụng Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tiến Dũng